

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương

2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: C, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang; tạm trú: C, khu phố T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H kết hôn với ông Nguyễn Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83/2012, cấp ngày 13/06/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Sau một thời gian bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, sự bất đồng trong cuộc

sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà H và ông Đ đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 04/3/2010 và Nguyễn Ngọc Nhả V, sinh ngày 03/6/2018. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông Đ không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn tại nơi cư trú, địa phương và tại trụ sở Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Đ đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Đ vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà H và ông Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay bà H có đơn xin ly hôn với ông Đ và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Như vậy, ông Đ đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 26/3/2025

nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Các vấn đề có tranh chấp:* Bà H và ông Đ là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 83, cấp ngày 13/06/2012 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, không còn ai quan tâm đến ai, hiện nay vợ chồng ly thân. Ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối về yêu cầu khởi kiện, nguyên nhân mâu thuẫn của nguyên đơn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Đ, bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Đ là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 04/3/2010 và Nguyễn Ngọc Nhả V, sinh ngày 03/6/2018. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Tại bản tự khai con chung Nguyễn Tuấn K và Nguyễn Ngọc Nhả V đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Xét, hiện 02 con chung đang sống cùng mẹ là bà H đồng thời để đảm bảo việc ổn định học tập cũng như cuộc sống của các con khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao con Nguyễn Tuấn K, ngày 04/3/2010 và Nguyễn Ngọc Nhả V, sinh ngày 03/6/2018 cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn K, ngày 04/3/2010 và Nguyễn Ngọc Nhả V, sinh ngày 03/6/2018 cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000612 ngày 08/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thuận An;
- CC THADS TP. Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83/2012, cấp ngày 13/06/2012;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo